TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HNGĐ- ST
Ngày 09/10/2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nông Đình Đoài**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc**
2. Ông Ngô Rô Be
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 05 năm 2017 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 172, ấp T H A, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

***- Bị Đơn*: Anh Lê Văn H**, sinh năm 1981 (vắng mặt không lý do).
Địa chỉ: số 172, ấp T H A, xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10 tháng 9 năm 2018 của chị Nguyễn Thị Bích L trình bày: tôi và anh Lê Văn H chung sống với nhau vào ngày 09/04/2004, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã T T, huyện T H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/05/2009. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 06 tháng mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi làm ăn thua lỗ, nợ tiền nhiều người, do đó vợ chồng có lời qua tiếng lại, người ta đến đòi nợ thì anh H bực bội đánh tôi,tôi có khuyên anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi, anh H không có trách nhiệm với vợ con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng có lối sống không phù hợp. Tôi xét thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau

được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung gồm:

1/ Lê Văn V, sinh ngày 17/03/2005

2/ Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/01/2007

Hiện nay 02 cháu đang chung sống với tôi,

- Về tài sản chung: không có

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay chị Nguyễn Thị Bích L yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với anh Lê Văn H

Về quan hệ con chung: tôi xin nhận nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn anh Lê Văn H trình bày**: Anh H vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện Ly hôn không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị Bích L với tư cách là nguyên đơn. Tại phiên tòa hôm nay chị L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và chị L đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy đinh tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L là phù hợp theo quy định pháp luật. Anh Lê Văn H với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Lê Văn H, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của chị L về quan hệ hôn nhân, chị xin được ly hôn với anh Lê Văn H là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng chị L, anh H làm ăn thua lỗ, nợ tiền nhiều người, do đó chị L, anh H có lời qua tiếng lại, người ta đến đòi nợ thì anh H bực bội đánh chị L, chị L có khuyên anh H nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi, anh H không có trách nhiệm với vợ con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng có lối sống không phù hợp, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị L và anh H đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2016 cho đến nay. Vì vậy lời yêu cầu của chị L xin được ly hôn với anh H được Tòa án chấp thuận.

[5] **Về quan hệ con chung:** Chị L xin được nhận nuôi cháu Lê Văn V, sinh ngày 17/03/2005, cháu Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/01/2007 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu cháu Lê Văn V, sinh ngày 17/03/2005, cháu Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/01/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do hiện nay cháu Lê Văn V 13 tuổi và cháu Lê Thị Quỳnh N 11 tuổi đang chung sống với chị L và nguyện vọng của cháu V và cháu N là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu sẽ sống với mẹ. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[6] **Về quan hệ tài sản chung và nợ chung**: Do chị L và anh H không có tài sản chung và nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] **Về án phí Hôn nhân sơ thẩm**: chị Nguyễn Thị Bích L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0009994 ngày 03/05/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Lê Văn H được ly hôn.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Văn V, sinh ngày 17/03/2005, cháu Lê Thị Quỳnh N, sinh ngày 26/01/2007 cho chị Nguyễn Thị Bích L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Bích L nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0009994 ngày 03/05/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị Bích L và anh Lê Văn H biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Đình Đoài